

Trường Tiểu học..... **BÀI KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG CUỐI NĂM**

Lớp: **2D**

Họ và tên:.....

Môn: Tiếng Việt

Thời gian: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

<u>Điểm</u>	<u>Lời phê của cô giáo</u>

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. Kiểm tra đọc thành tiếng (4 điểm)

II. Kiểm tra đọc hiểu kết hợp với kiểm tra từ và câu (6 điểm)

(Thời gian: 35 phút)

Đọc bài sau và trả lời câu hỏi:

Cô gái đẹp và hạt gạo

Ngày xưa, ở một làng Ê - đê có cô Hơ - bia xinh đẹp nhưng rất lười biếng. Cô lại không biết yêu quý cơm gạo. Một hôm, Hơ - bia ăn cơm để cơm đổ vãi lung tung. Thấy vậy, cơm hỏi :

- Cô đẹp là nhờ cơm gạo, sao cô khinh rẻ chúng tôi thế?

Hơ - bia giận dữ quát :

- Tôi đẹp là nhờ công mẹ công cha chớ đâu thềm nhờ đến các người.

Nghe nói vậy, thóc gạo tức lắm. Đêm khuya, chúng rủ nhau bỏ cả vào rừng. Hôm sau, biết thóc gạo giận mình bỏ đi, Hơ - bia ân hận lắm. Không có cái ăn, Hơ - bia phải đi đào củ, trồng bắp từ mùa này sang mùa khác, da đen xạm.

Thấy Hơ - bia đã nhận ra lỗi của mình và biết chăm làm, thóc gạo lại rủ nhau kéo về. Từ đó, Hơ - bia càng biết quý thóc gạo, càng chăm làm và xinh đẹp hơn xưa.

Theo Truyện cổ Ê - đê

Khoanh tròn vào chữ cái trước ý trả lời đúng của các câu 1; 2; 3, 4; 7; 8:

Câu 1: *Hơ- bia là một cô gái như thế nào?*

A. Xinh đẹp

C. Xinh đẹp nhưng rất lười biếng

B. Lười biếng

D. Da đen sạm

Câu 2: *Thóc gạo bỏ Hơ- bia đi lúc nào?*

A. Sáng sớm

C. Chiều tối

B. Trưa

D. Đêm khuya

Câu 3: *Vì sao thóc gạo bỏ Hơ - bia để đi vào rừng?*

A. Vì thóc gạo thích đi chơi.

C. Vì Hơ - bia đuổi thóc gạo đi

B. Vì Hơ - bia khinh rẻ thóc gạo.

D. Vì Hơ - bia không chơi với thóc gạo.

Câu 4: *Vì sao thóc gạo lại rủ nhau về với Hơ - bia?*

A. Vì Hơ - bia đã biết nhận lỗi và chăm làm.

C. Vì thóc gạo nhớ Hơ - bia.

B. Vì Hơ - bia không có gì để ăn.

D. Vì Hơ - bia nhớ thóc gạo.

Câu 5: *Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của thóc gạo?*

Câu 6: *Em rút ra bài học gì cho mình từ câu chuyện trên?*

Câu 7: *Các từ chỉ đặc điểm trong câu “Ngày xưa, ở một làng Ê- đê có cô Hơ- bia xinh đẹp nhưng rất lười biếng.” là:*

A. xinh đẹp,

B. lười biếng

C. xinh đẹp, lười biếng

D. Hơ- bia

Câu 8: *Câu: “Đêm khuya, chúng rủ nhau bỏ cả vào rừng.”* được viết theo mẫu câu nào dưới đây?

A. Ai là gì?

B. Ai làm gì?

C. Ai thế nào?

Câu 9: Đặt câu hỏi cho bộ phận được gạch dưới trong câu:

Đêm khuya, chúng rủ nhau bỏ cả vào rừng.

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả: Nghe - viết bài: “ Hoa mai vàng ” Tiếng Việt 2 tập 2 - trang 145.

A. KIỂM TRA ĐỌC

I. Đọc thành tiếng (4 điểm):

Cho học sinh bốc thăm và đọc một đoạn văn, thơ khoảng 50 tiếng/phút từ các bài tập đọc sau đây đã học ở sách Tiếng Việt 2 – Tập 2. Sau đó HS trả lời 1 câu hỏi (do giáo viên nêu) về nội dung đoạn học sinh được đọc.

1. Kho báu Đoạn:
2. Những quả đào Đoạn:
3. Ai ngoan sẽ được thưởng Đoạn:
4. Chiếc rễ đa tròn Đoạn:
5. Chuyện quả bầu Đoạn:
6. Bóp nát quả cam Đoạn:

Nội dung	Số điểm
1- Đọc vừa đủ nghe, rõ ràng; tốc độ đạt yêu cầu:	1 điểm
2- Đọc đúng tiếng, từ (không đọc sai quá 5 tiếng):	1 điểm
3- Ngắt, nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ rõ nghĩa:	1 điểm
4- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc:	1 điểm
- Đọc sai tiếng, phát âm không chuẩn, sai phụ âm đầu, bỏ chữ, đọc chậm, ngắt nghỉ hơi chưa đúng chỗ,...(Tùy mức độ cho điểm).	

II. Đọc thầm và làm bài tập (6 điểm)

Câu 1: C - 0,5 điểm

Câu 7: C- 0,5 điểm

Câu 2: D - 0,5 điểm

Câu 8: B- 0,5 điểm

Câu 3: B - 0,5 điểm

Câu 4: A - 0,5 điểm

Câu 5: Em có suy nghĩ gì về hành động, việc làm của thóc gạo?

Trả lời đúng ý được 1 điểm.

VD: - Thóc gạo có lòng vị tha.
- Thóc gạo thật là tốt bụng.
.....

Câu 6: Em rút ra bài học gì cho mình từ câu chuyện trên?

Trả lời đúng ý được 1 điểm.

VD: - Cần phải quý thóc gạo và siêng năng làm việc.

- Cần phải biết nhận lỗi và sửa lỗi.

- Cần phải chăm chỉ học hành và yêu quý mọi người xung quanh.
.....

Câu 9: Viết đúng câu hỏi được 1 điểm.

Chúng rủ nhau bỏ vào rừng khi nào?

Khi nào chúng rủ nhau bỏ cả vào rừng?

B. KIỂM TRA VIẾT (10 điểm)

I. Chính tả nghe - viết (4 đ)

1- Chữ viết rõ ràng, viết đúng chữ, cỡ chữ:	2 điểm
2- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi):	1 điểm
3- Trình bày đúng quy định, viết sạch, đẹp:	1 điểm

II. Tập làm văn (6 đ)

1- Nội dung: 3 điểm

HS viết được đoạn văn gồm các ý theo yêu cầu nêu trong đề bài.

2- Kỹ năng: 3 điểm

- Điểm tối đa cho kỹ năng viết chữ, viết đúng chính tả: 1 điểm

- Điểm tối đa cho kỹ năng dùng từ, đặt câu: 1 điểm

- Điểm tối đa cho phần sáng tạo: 1 điểm

* Lưu ý: - Bài viết không có dấu chấm câu: Cho tối đa 1 điểm.

Bảng ma trận đề thi học kì 2 môn Tiếng Việt lớp 2

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL
Kiến thức Tiếng Việt: - Nhận biết được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất. - Nêu được các từ trái nghĩa với các từ cho sẵn - Biết đặt câu và TLCH theo các kiểu câu Ai là gì? Ai làm gì? Ai thế nào? Biết đặt câu hỏi với các cụm từ Ở đâu? Như thế nào? Khi nào? Vì sao? - Biết cách dùng dấu chấm, dấu phẩy, dấu chấm than, dấu hỏi chấm.	Số câu	1		1			1	0		3	
	Số điểm	0.5		0.5			1	0		2	
Đọc hiểu văn bản: - Biết nêu nhận xét đơn giản một sơ hình ảnh, nhân vật hoặc chi tiết trong bài đọc; liên hệ được với bản thân, thực tiễn bài học. - Hiểu ý chính của đoạn văn, nội dung bài - Biết rút ra bài học, thông tin đơn giản từ bài học.	Số câu	2		2		1			1	6	
	Số điểm	1		1		1			1	4	
Tổng	Số câu	3		3		1	1	1		8	1
	Số điểm	1.5		1.5		1	1	1		5	1

Tham khảo chi tiết đề thi học kì 2 lớp 2 tại đây:

<https://vndoc.com/de-thi-hoc-ki-2-lop-2>